

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HS-ST

Ngày: 02 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 29/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 28/5/2021; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 09/6/2021 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 18/6/2021 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN HỮU N, sinh năm 1963 tại huyện Thanh Hà; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: **7/10**; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C (đã chết) và bà Đồng Thị X; vợ là Hoàng Thị T và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến ngày 24/02/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

2. NGUYỄN ĐỨC Q, sinh năm 1985 tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2 (**đã chết**); vợ là Phạm Thị H1, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến ngày 24/02/2021, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3. NGUYỄN ĐỨC D, sinh năm 1948, tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B (là liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị Q1 (đã chết); vợ là Phạm Thị T3 (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân

thân: Bản án số 90 ngày 08/7/1982 của TAND tỉnh Hải Dương xử phạt **02 năm** tù về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến ngày 24/02/2021 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

4. NGUYỄN ĐÌNH H, sinh năm 1975 tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Q2 (đã chết) và bà Đỗ Thị T4 (đã chết); vợ là **Ngô Thị Thanh N1** và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

5. NGUYỄN ĐỨC Q1, sinh năm 1977 tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ và bà Trần Thị H3; vợ là Hoàng Thị Q5 và có **03 con**; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Người làm chứng:*

+ Chị Hoàng Thị T6, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 21/02/2021, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Đức Q1 đến nhà Nguyễn Hữu N ở cùng thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương để chơi. Trong lúc ngồi uống nước tại phòng khách của gia đình N thì có người rủ đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền (không xác định được ai) mọi người đồng ý, N lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài (có sẵn ở trong nhà) và 01 chiếu cói rồi trải xuống nền nhà phòng khách để cho các bị cáo D, H, Q, Q1 đánh bạc trái phép, bằng hình thức đánh Phỏm được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*).

Hình thức đánh bạc và số tiền sát phạt như sau: người đánh bạc dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài từ A đến K chia thành 04 phần, mỗi phần 9 lá bài, ai đánh trước 10 lá, số bài còn lại để dưới chiếu làm bài lọc và tính điểm: nhất, nhì, ba, bét; người nhiều điểm nhất là bét, người thấp điểm nhất là nhất, không có phỏm là cháy, người có 9 quân đều vào phỏm là ù. Mức độ sát phạt: nhất ăn cả, nhì trả 20.000đ, ba trả 40.000đ, bét trả 60.000đ, cháy bài trả 80.000đ, ù được 100.000đ của những người còn lại. Thống nhất sau mỗi ván bài, nếu có người đánh bạc “ù” phải trả tiền hồ cho N số tiền 20.000đ/ván.

Bắt đầu đánh bạc Q có khoảng 4.000.000đ; D có khoảng 2.000.000đ; Q1, H mỗi người có khoảng 500.000đ; N chưa thu được tiền hồ. Các bị cáo đánh bạc từ

khoảng 9h đến 10h30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà phối hợp với Công an xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại nơi đánh bạc gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếu cỏi; 01 ví da màu đen của Nguyễn Đức D và số tiền 7.010.000^d, (trong đó thu tại chiếu bạc số tiền 1.110.000đ, thu trong người bị cáo Q số tiền 4.400.000đ; bị cáo D số tiền 1.500.000đ).

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 29/4/2021 VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu N, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Q1, về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là đúng và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu N; Nguyễn Đức Q; Nguyễn Đức D; Nguyễn Đình H; Nguyễn Đức Q1 phạm tội Đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N, Q, Q1, H; điểm o, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D; Điều 38, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Q1, H; áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Q, D. Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; nghị quyết 326/QH; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hữu N từ 09 đến 12 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/01/2021 đến ngày 24/02/2021.

- Bị cáo Nguyễn Đức Q từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Đức D từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Đình H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 10-15% của các bị cáo sung quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Q, D, Q, H cho UBND xã T giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo và cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.010.000đ và tịch thu, tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài là công cụ phạm

tội, 01 ví da màu đen đã qua sử dụng là vật chứng không còn giá trị. Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo D là người cao tuổi và con của liệt sĩ thuộc đối tượng được trợ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí có quyền tự mình hoặc nhờ người thân thích hoặc cơ quan tổ chức khác yêu cầu trợ giúp nhưng bị cáo tự bào chữa mà không yêu cầu mời trợ giúp viên pháp lý như vậy đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

[2]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 9 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 21/02/2021 tại nhà ở của gia đình bị cáo Nguyễn Hữu N; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vì mục đích thu tiền hồ hưởng lợi trái phép, Bị cáo Nguyễn Hữu N đã chuẩn bị địa điểm, công cụ là nhà ở, bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếu để cho các bị cáo Q, D, H, Q1 đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền bằng hình thức đánh phỏm thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trái phép là 7.010.000đ (*Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*).

Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, gây mất trật tự an toàn xã hội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất mức độ, vai trò của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hữu N tuy không tham gia đánh bạc nhưng là người dùng nơi ở của gia đình mình làm địa điểm, chuẩn bị công cụ là bộ bài, chiếu để cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm và giữ vai trò thứ nhất.

- Bị cáo Nguyễn Đức Q có số tiền nhiều nhất 4.000.000^d sử dụng để đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai.

- Bị cáo Nguyễn Đức D có số tiền 2.000.000^d; các bị cáo Nguyễn Đức Q1, Nguyễn Đình H mỗi bị cáo có số tiền 500.000^d sử dụng để đánh bạc, các bị cáo giữ vai trò sau.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N, Q, D, Q1, H đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo D có nhân thân không tốt, năm 1982 bị xử phạt 02 năm tù về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa (đã được xóa án tích).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N, Q, Q1, H đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo D, sinh năm 1948 đến thời điểm xét xử bị cáo trên 70 tuổi (73 tuổi); bị cáo có bố đẻ là liệt sĩ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N được tặng thưởng kỷ niệm chương và giấy khen của Bộ công an và UBND xã V, có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N tuy có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo là người tạo điều kiện về địa điểm, công cụ để hình thành nhóm đánh bạc. Cần buộc bị cáo cách ly xã hội để giáo dục và cải tạo đồng thời làm gương răn đe và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Q, D, Q1, H tham gia với vai trò đồng phạm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn (7.010.000đ trên mức khởi điểm định lượng), các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không cần thiết buộc các bị cáo cách ly xã hội, cho các bị cáo hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của Pháp luật, phù hợp với các Điều 36; 65 của BLHS năm 2015; hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao **cũng như** đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, công việc không ổn định. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếu cói; 01 ví da của bị cáo D và tổng số tiền 7.010.000^d. Xét 01 bộ

bài tú lơ khơ 52 quân bài và 01 chiếc cối là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, 01 ví da không còn giá trị sử dụng của bị cáo Điện tự nguyện không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy; đối với 7.010.000^d là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với nhà, đất bị cáo N sử dụng làm địa điểm cho các bị cáo đánh bạc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên chủ sử dụng Nguyễn Hữu N, lẽ ra bị tịch thu ½ giá trị tài sản để sung quỹ nhà nước, xét thấy ngoài nhà, đất là nơi sinh sống của cả gia đình, bị cáo N và gia đình không còn chỗ ở nào khác, hơn nữa tính chất, mức độ vi phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không đặt ra xử lý.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Đức D là người cao tuổi, có bố đẻ là liệt sĩ nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Đối với chị Hoàng Thị T6 (vợ bị cáo N) không biết các bị cáo đánh bạc trái phép tại nơi ở của gia đình mình, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức Q.

- Khoản 1 Điều 321, điểm s, o, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức Q1.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình H.

[2]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu N; Nguyễn Đức Q; Nguyễn Đức D; Nguyễn Đức Q1; Nguyễn Đình H phạm tội “Đánh bạc”.

[3]. Về hình phạt chính:

3.1: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 09 (*chín*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến ngày 24/02/2021; bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

3.2: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q 08 (*tám*) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 16 tháng, thời gian án treo và thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.3: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 07 (*bảy*) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 14 tháng, thời gian án treo và thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.4: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q1 07 (*bảy*) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ nhà nước.

3.5: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 07 (bấy) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Q, D, Q1, H cho UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo và cải tạo không giam giữ; gia đình các bị cáo Q, D, Q1, H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4]. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài và 01 chiếu cói; 01 ví da màu đen của bị cáo D đã qua sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 7.010.000đ.

Vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Hữu N; Nguyễn Đức Q; Nguyễn Đức Q1; Nguyễn Đình H mỗi một bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đức D.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

